

Unit 10:communication in the future

I. Vocabulary:

1. **video conference** /'vɪdiəʊ kənˈfərəns / (n.phr.) hội nghị truyền hình, cuộc họp trực tuyến
2. **hold on** /həʊld ɔ:n/ (v.) giữ máy, chờ
3. I'm a bit worried. Tôi lo lắng 1 chút
4. You're kidding! Bạn đang đùa à! - joking
5. **a piece of cake** /ə pi:s əv keɪk/ (idiom.) đơn giản, dễ dàng – easy
6. **adjust** /ə'dʒʌst/ (v.) điều chỉnh
7. Tablet /'tæb.lət/ (n): máy tính bảng
8. **zoom in** /zu:m ɪn/ (v.phr.) phóng to – make it bigger
9. **zoom out** /zu:m aʊt/ (v.phr.) thu nhỏ
10. **move (up or down)** /mu:v/ (v.) di chuyển lên hoặc xuống
11. **high-speed** /, haɪ 'spi:d/ (adj.) tốc độ cao – fast: nhanh
12. Internet connection: kết nối mạng
13. **high-speed internet** connetion kết nối mạng tốc độ cao
14. **via** /'vaɪə/ (prep.) qua
15. That's exactly how I feel. Đúng như tôi nghĩ - You are absolutely.
16. Webcam : thiết bị ghi
17. **carrier pigeon** /'kæriə pɪdʒɪn/ (n.phr.) bồ câu đưa thư
18. Telephone : điện thoại để bàn

19. Mobile phone: điện thoại di động
20. Smartphone: điện thoại thông minh
21. Social network: mạng xã hội
22. Printed newspaper: báo in
23. **video call** /vɪdiəʊ kɔ:l/ (n.phr.) cuộc gọi video
24. **group call** /gru:p kɔ:l/ (n.phr.) cuộc gọi nhóm
25. **voice message** /vɔɪs 'mesɪdʒ/ (n.phr.) tin nhắn thoại
26. **emoji** /ɪ'məʊdʒi/ (n.) biểu tượng cảm xúc
27. Holography: hình thức giao tiếp bằng ảnh không gian 3 chiều

II. Pronunciation: -ese, -ee → trọng âm thường rơi vào chính các âm này.

1. Một số danh từ chỉ quốc tịch kết thúc bằng đuôi **-ese** sẽ được đọc nhấn trọng âm vào âm tiết chứa đuôi **-ese**

Ex: **Bhutanese** /ˌbu:tə'ni:z/ (quốc tịch Butan)

Chinese /ˌtʃaɪ'ni:z/ (quốc tịch Trung Quốc)

Japanese /ˌdʒæp.ən'i:z/ (quốc tịch Nhật Bản)

Taiwanese /ˌtaɪ.wə'ni:z/ (quốc tịch Đài Loan)

2. Các từ kết thúc bằng đuôi **-ee** và đuôi này được thêm vào từ như là một hậu tố thì sẽ được đọc nhấn trọng âm vào âm tiết chứa đuôi **-ee** này.

Ex: **agree** /ə'gri:/ (đồng ý)

awardee /ə.wɔ:'di:/ (người được tặng thưởng)

guarantee /ˌgærən'ti:/ (đảm bảo)

interviewee /ˌɪntərvju:'i:/

Chú ý: Với những từ kết thúc bằng đuôi **-ee** nhưng không phải là phần hậu tố được thêm vào từ thì trọng âm của từ đó có thể không rơi vào **-ee**.

Ex: **coffee** /'kɔ:fi/ (cà phê) → Trọng âm của từ này rơi vào âm tiết thứ nhất /'kɔ:fi/

committee /kə'mɪti/ (ủy ban) → Trọng âm của từ này rơi vào âm tiết thứ hai 